

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2018.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần – Bí thư đoàn phường Thống Nhất.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Nguyên Hội phó Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 521/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Kim H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Đ, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Phương D**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 17/5, ấp Đ, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2017 và tại bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Phương D kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Do vậy bà xin ly hôn với ông Bùi Phương D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Bùi Ngọc Thanh T1, sinh ngày 20/9/2008. Khi ly hôn bà yêu

cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu T1 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông D nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Giao cháu T và cháu T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lưu Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông Bùi Phương D vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Kim H và ông Bùi Phương D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2008 ngày 29/02/2008 nên áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như bà H trình bày thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Do vậy bà xin ly hôn với ông Bùi Phương D. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông D đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông D không đến, cho thấy ông D không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 26/03/2018 thì ông D và bà H có sống chung tại địa chỉ 17/5, ấp Đ, xã A, thành phố B. Hiện bà H và ông D đã sống ly thân khoảng 06 năm và không còn sống chung tại địa chỉ trên. Xét thấy giữa bà H và ông D có mâu thuẫn và đã ly

thân thời gian dài do đó mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà H xin ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, cho ly hôn giữa bà Lưu Kim H và ông Bùi Phương D.

[3] Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Bùi Ngọc Thanh T1, sinh ngày 20/9/2008. Khi ly hôn, bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc, cháu Bùi Thanh T và cháu Bùi Ngọc Thanh T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay các cháu đều do bà H chăm sóc, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung nên giao cháu T và cháu T1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho các cháu. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lưu Kim H và ông Bùi Phương D.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thanh T, sinh ngày 19/11/2006 và cháu Bùi Ngọc Thanh T1, sinh ngày 20/9/2008 cho bà Lưu Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Danh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Lưu Kim H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 006027 ngày 05/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến